

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ ĐỨC THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19-02-2020

V/v chị Đồng Thị M xin ly hôn anh Nguyễn

Văn Th

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn

Ông Lê Mạnh Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 341/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đồng Thị M, sinh năm 1973.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1969.

Đều trú tại: Xóm ..., thôn Đục K, xã Hương S, huyện Mỹ Đ, Thành phố HN

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chị Đồng Thị M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Th trên cơ sở có tình hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990, đến năm 2012 vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương S. Cuộc sống chung vợ chồng thuận hòa được vài năm đầu, kể từ khi chồng chị mua một chiếc công nông để chạy chở nguyên vật liệu và xe chở

khách thì sa ngã vào cờ bạc và quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác. Thường xuyên đi cả ngày lẫn đêm, nhiều lần chị phải đạp xe đi tìm chồng nhưng không thấy, đến khi chồng về nhà lại đánh đập chửi bới nhưng chị vẫn cố chịu đựng. Đến năm 2010 chồng chị mang số đỏ thế chấp ngân hàng, a Th vẫn tụ tập bạn bè ăn chơi, bỏ bê công việc, sinh ra công nợ nhiều, cứ mỗi lần như thế chồng chị lại về đánh đập, a Th cũng không có trách nhiệm chu cấp chăm sóc các con. Kể từ tháng 4/2014 chồng chị bỏ hẳn ba mẹ con đi ở với người đàn bà khác không về nhà. Nay chị làm đơn xin ly hôn a Th vì tình cảm vợ chồng đã hết.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là: Nguyễn Tiến Nh, sinh năm 1991, Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1996 và Nguyễn Hưng Th, sinh ngày 26/02/2012. Hai con chung là Nguyễn Tiến Nh và Nguyễn Thị Cẩm L đã trưởng thành và tự lập không đề nghị Tòa án xem xét. Còn con chung Nguyễn Hưng Th hiện tại vẫn đang sinh sống cùng chị, chị xin được nuôi con chung và a Th phải có trách nhiệm cấp dưỡng để chị nuôi cháu Th.

Về tài sản công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Phía anh Nguyễn Văn Th trình bày: Anh chị có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, vợ chồng tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990, đến năm 2012 vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Sơn. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nếu có thì nguyên nhân là do nợ nần, Nay nguyện vọng của anh là xin chị M đoàn tụ về nuôi dạy con chung nhưng chị M không đồng ý và một mực xin ly hôn, anh cũng đồng ý theo nguyện vọng của chị M.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là: Nguyễn Tiến Nhật, sinh năm 1991, Nguyễn Thị Cẩm Linh, sinh năm 1996 và Nguyễn Hưng Th, sinh ngày 26/02/2012. Đối với cháu Nhật và cháu Linh đã trưởng thành nên anh không có yêu cầu còn cháu Th anh xin được nuôi và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Anh yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là căn nhà xây dựng hai tầng, còn đất là anh được bố cho tặng không liên quan đến chị M. Về công nợ chung: Vợ chồng vay Ngân hàng Việt Lào 1,6 tỷ đồng sau đó em trai là Nguyễn Công Ch trả thay và vợ chồng ký nhận nợ anh Ch số tiền 1,6 tỷ đồng, vay của D 200 triệu đồng, vay của ông Nguyễn Văn D 2 cây vàng. Sau đó tại biên bản lấy lời khai a Th thay đổi yêu cầu không yêu cầu Tòa án chia tài sản, công nợ chung và sẽ yêu cầu giải quyết sau bằng một vụ án khác.

Tại phiên tòa chị M vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Nguyễn Văn Th, xin được nuôi con chung và yêu cầu a Th phải cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng để chị nuôi con chung cho đến khi trưởng thành.

Quan điểm của a Th, anh trình bày hiện tại anh còn làm thêm nghề ngoài Hà Nội có thu nhập khoảng 07 triệu đồng/tháng. Do tính chất công việc, anh phải tạm trú ngoài đó để làm ăn nên thỉnh thoảng và chỉ khi có công việc anh mới về nhà chứ không có quan hệ trai gái ngoài luồng. Tại phiên tòa anh vẫn mong muốn đoàn tụ nhưng chị M không nhất trí và xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung anh cũng xin được nuôi cháu Th và không yêu cầu chị M trợ cấp nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung vợ chồng, tại phiên tòa anh có yêu cầu được giải quyết, sau khi được nghe giải thích a Th đã nhất trí không yêu cầu giải quyết vấn đề và tài sản trong vụ án này và sẽ yêu cầu xem xét tài sản công nợ trong vụ án khác khi các bên không tự thỏa thuận được.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến về quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã làm đúng qui trình tố tụng, không có vi phạm gì, đã xác định đúng tư cách của đương sự, giải quyết đúng thời hạn của vụ án. Đối với nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa là chấp hành đúng qui định tố tụng dân sự và trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: HĐXX đã thực hiện đúng các thủ tục, qui trình và thực hiện xét xử công tâm khách quan.

Về đường lối: Đề nghị hội đồng xét xử cho chị Đồng Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn Th.

Về con chung: Đề nghị giao chị M được nuôi con chung Nguyễn Hưng Th và chấp nhận yêu cầu của chị M đề nghị a Th trợ cấp nuôi con chung theo pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị M và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị M và anh Nguyễn Văn Th tự nguyện chung sống đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương S là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được vài năm đầu, từ đó đến nay là cả quãng thời gian dài vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do a Th là người sống không có trách nhiệm với con cái và gia đình, không chung thủy với chị M, đến năm 2014 a Th bỏ đi theo người phụ nữ khác và vợ chồng sống ly thân từ đó, nay chị M một mực xin ly hôn a Th vì tình cảm vợ chồng đã hết. Phía a Th mong muốn được đoàn tụ nhưng chỉ là quan điểm của một phía. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được tình cảm vợ chồng của chị M đối với a Th đã hết. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M đối với a Th là phù hợp pháp luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng xác nhận có 3 con chung là: Nguyễn Tiến Nh, sinh năm 1991, Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1996 và Nguyễn Hưng Th, sinh ngày 26/02/2012. Hai con chung là Nh và L đã trưởng thành và tự lập nên không xem xét giải quyết, còn cháu Th anh chị đều đề nghị xin được nuôi con chung, chị M yêu cầu a Th phải cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng nuôi cháu Th cho đến khi trưởng thành, a Th không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy Hiện tại cháu M đang ở cùng với mẹ, cháu M đã trên bảy tuổi và có trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ. Đối với anh Th hiện tại không thường xuyên cư trú tại địa phương nên điều kiện để giao a Th trực tiếp nuôi con chung là không đảm bảo, Để đảm bảo cho sự phát triển cũng như tránh sự xáo trộn trong cuộc sống sinh hoạt và học tập. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị M, buộc a Th phải có trách nhiệm cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi các đương sự có yêu cầu mới về người trực tiếp nuôi con chung và thỏa thuận mới về mức trợ cấp nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản công nợ chung: Chị M trình bày vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, về phía a Th có trình bày và có yêu cầu chia tài sản và công nợ chung vợ chồng nhưng suốt quá trình giải quyết Tòa án đã cho thời hạn 15 ngày để xuất trình tài liệu chứng cứ cho yêu cầu chia tài sản chung, công nợ nhưng a Th đã không xuất trình được cho Tòa án, sau đó a Th không yêu cầu giải quyết trong vụ án này mà sẽ yêu cầu giải quyết ở vụ án khác. Tại phiên tòa a Th cũng nhất trí sẽ yêu cầu chia tài sản chung và công nợ chung trong vụ án khác nếu sau khi ly hôn các bên không tự thỏa thuận được về tài sản chung và công nợ. Do vậy Tòa án không xem xét công nợ chung và tài sản chung trong vụ án này là đúng quy định của pháp luật.

Án phí: Chị Đồng Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, a Th phải chịu án phí trợ cấp nuôi con chung theo pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ, điều 147, điều 273, 271 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử cho: Chị Đồng Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

- Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là: Nguyễn Tiến Nh, sinh năm 1991, Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1996 và Nguyễn Hưng Th, sinh ngày 26/02/2012.

Hai con chung là Nguyễn Tiến Nh và Nguyễn Thị Cẩm L trưởng thành và tự lập nên không xem xét.

Giao con chung Nguyễn Hưng Th cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, buộc a Th phải trợ cấp 2.000.000đồng/tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho chị M nuôi cháu Th cho đến khi trưởng thành hoặc cho đến khi các đương sự có yêu cầu mới về người trực tiếp nuôi con và thỏa thuận mới về mức trợ cấp nuôi con chung. A Th có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung vợ chồng: A Th và chị M đều chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét trong vụ án này. A Th và chị M có quyền yêu cầu về chia tài sản chung và công nợ chung vợ chồng sau ly hôn nếu có yêu cầu và đủ điều kiện khởi kiện.

- Án phí: Chị Đồng Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu số 0002565 ngày 19/12/2019 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức – thành phố Hà Nội. Anh Nguyễn Văn Th phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm 19/02/2020.

Nơi nhận:

-TANDTP. Hà Nội

-VKSND huyện Mỹ Đức

-Nguyên đơn, bị đơn

- UBND xã Hương Sơn

- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Hồng
